

BẢN THUYẾT MINH

Dự thảo Thông tư quy định trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính

1. Sự cần thiết ban hành Thông tư

1. Cơ sở pháp lý

- Theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), NHNN có nhiệm vụ “ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính” (được quy định tại Khoản 18 Điều 2 Nghị định số 26/2025/NĐ-CP¹). Theo đó, NHNN có chức năng:

“a. Tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình tiền tệ, tài chính; đề xuất các biện pháp ngăn ngừa rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, tài chính;

b. Xây dựng chính sách, biện pháp ứng phó với khủng hoảng, đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính”.

Như vậy, nhiệm vụ “ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính” là nhiệm vụ mang tính “kế thừa” từ những Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN trước đó (được quy định tại Khoản 20 Điều 2 Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017; Khoản 19 Điều 2 Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013; Khoản 18 Điều 2 Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12/12/2022).

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao về “ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính”, NHNN cần từng bước xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ, hành lang pháp lý cần thiết để thực hiện nhiệm vụ “ổn định tiền tệ, tài chính”; luật hóa chức năng ổn định tài chính của NHNN đã nêu tại Quyết định số 986/QĐ-TTg² ngày 08/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030³. Do đặc điểm tình hình thực tiễn của hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính của Việt Nam là ngành ngân hàng vẫn đang phải đảm nhận vai trò chủ đạo trong hỗ trợ vốn cho phát triển kinh tế (bank-based), việc nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính là hết sức cần thiết. Theo đó, việc xây dựng Thông tư quy định trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính sẽ góp phần giúp công chức thuộc NHNN triển khai công việc theo quy trình, đảm bảo tính khoa học, đúng quy định trong hoạt động công vụ; đồng thời góp phần thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo an toàn hoạt động tiền tệ, ngân hàng, ngăn ngừa rủi ro và rộng hơn là “ổn định tiền tệ, tài chính” đã được nêu tại Nghị định số 26/2025/NĐ-CP.

¹ Tại phần 2.4 thuyết minh các điều khoản của dự thảo Thông tư sẽ viết tắt là NĐ 26.

² Tại phần 2.4 sẽ viết tắt là QĐ 986.

³ Nhiệm vụ 1.1 thuộc Chương trình hành động của ngành ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07/01/2019 của Thống đốc NHNN

- Nghị định số 82/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007 của Chính phủ về quy định cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia cho phép NHNN có thể thu thập thông tin ngoài ngành để phục vụ điều hành chính sách tiền tệ, qua đó góp phần ổn định tiền tệ, ngân hàng, tài chính. Thực tiễn cho thấy, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, cũng như sự đan xen giữa tiền tệ, ngân hàng, tài chính với các khu vực phi ngân hàng, phi tài chính ngày càng sâu sắc, phức tạp, đòi hỏi các rủi ro tiềm ẩn phải được nhận diện, đánh giá đa chiều, giúp phòng ngừa và hạn chế rủi ro cho hoạt động tiền tệ, ngân hàng, tài chính. Đây là cơ sở để thực hiện thu thập thông tin đầu vào từ các đơn vị ngoài ngành ngân hàng để thực hiện công tác nhận diện, đánh giá, ngăn ngừa rủi ro mang tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.

- Theo Quyết định số 289/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Dự báo, thống kê- Ổn định tiền tệ, tài chính, Vụ DBTKOD được Thống đốc NHNN giao “Thực hiện công tác phân tích, đánh giá, cảnh báo sớm về an toàn vĩ mô đối với hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính và đề xuất biện pháp phòng ngừa nguy cơ rủi ro có tính hệ thống nhằm mục tiêu ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính” (được quy định tại Khoản 18 Điều 2 Quyết định số 289/QĐ-NHNN).

Như vậy, để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo Nghị định số 26/2025/NĐ-CP về “ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính” và Quyết định số 289/QĐ-NHNN, việc xây dựng Thông tư quy định trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính là cấp thiết.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên thực tế, kể từ khi thành lập Vụ Ổn định tiền tệ- tài chính (Theo Quyết định số 333/QĐ-NHNN ngày 27/02/2014 của Thống đốc NHNN), để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến ổn định tiền tệ, tài chính, Thống đốc NHNN đã ban hành Quy chế Giám sát rủi ro hệ thống (GSRRHT) kèm Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016. Quy chế này được thực hiện giữa các đơn vị thuộc NHNN, do Vụ Ổn định tiền tệ- tài chính làm đầu mối. Trên cơ sở đó, Tổ công tác Ổn định tiền tệ, tài chính được thành lập và định kỳ vận hành (ban đầu họp theo quý, sau định kỳ 02 lần/năm), do một Phó Thống đốc NHNN làm Tổ trưởng, góp phần tham mưu cho Ban Lãnh đạo NHNN và các đơn vị thành viên về ổn định tiền tệ, tài chính.

- Trong quá trình thực hiện Quy chế GSRRHT, Vụ Ổn định tiền tệ- tài chính đã xây dựng được nhiều Báo cáo (sản phẩm đầu ra) trình Ban Lãnh đạo NHNN tham mưu về công tác ổn định tiền tệ, tài chính, gồm: (i) Báo cáo Ổn định tài chính (FSR) (định kỳ hằng năm); (ii) Báo cáo theo dõi ổn định tiền tệ, tài chính (định kỳ quý); (iii) Báo cáo nhận diện rủi ro ổn định hệ thống tài chính toàn cầu (định kỳ quý); (iv) Báo cáo đánh giá rủi ro mối liên kết tài chính-vĩ mô trong nước (định kỳ quý); (v) Báo cáo khu vực bất động sản và doanh nghiệp (định kỳ quý); (vi) Báo cáo khu vực phi tài chính (định kỳ quý); (vii) Báo cáo khảo sát rủi ro hệ thống (bán niên).

- Bên cạnh các kết quả tích cực đã đạt được nêu trên, trong quá trình thực hiện Quy chế GSRRHT, Vụ Ổn định tiền tệ-tài chính (nay là Vụ DBTKOD) cũng nhận thấy bản thân Quy chế GSRRHT bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc:

(i) Chưa bao quát được phạm vi quản lý cần thiết: việc chỉ dừng lại ở Quy chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc NHNN làm hạn chế tầm bao quát trong công tác quản lý của ngành ngân hàng, chưa thu thập được đầy đủ thông tin, số liệu cần thiết từ các TCTD, các định chế tài chính để có thể nhận diện, đánh giá toàn diện, sâu sắc hơn về các rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, từ đó có đề xuất, tham mưu cho Ban Lãnh đạo NHNN và các đơn vị liên quan;

(ii) Kể từ khi được ban hành vào năm 2016, Quy chế GSRRHT chưa được sửa đổi, bổ sung hay nâng cấp, do vậy chưa cập nhật được những thay đổi theo thời gian, nhiều điểm không còn phù hợp với thực tiễn.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, mỗi diễn biến trên trường quốc tế, về kinh tế vĩ mô, về các vấn đề địa chính trị, biến đổi khí hậu, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống luôn biến động thường xuyên và khó lường, tác động đa chiều đến các quốc gia, khu vực, trong đó có Việt Nam. Với đặc trưng của một nền kinh tế có độ mở lớn, mỗi thay đổi trên phạm vi toàn cầu hay khu vực, hay sự thay đổi chính sách của các chính phủ, các NHTW, đặc biệt là các nước lớn, đều có tác động đến Việt Nam. Bên cạnh mang lại sự thuận lợi và cơ hội hợp tác, hội nhập quốc tế mang đến cả những rủi ro tiềm ẩn, đặc biệt tạo ra áp lực đối với thị trường tiền tệ, ngoại hối, tỷ giá của Việt Nam, cũng như áp lực lên công tác điều hành chính sách tiền tệ của NHNN. Những diễn biến đó cần được theo dõi thường xuyên nhằm nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro cho hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính trong nước.

Trong bối cảnh các TCTD có xu hướng mở rộng phạm vi hoạt động, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ thông qua việc thành lập các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, cho thuê tài chính, chứng khoán, tư vấn đầu tư, thành lập các quỹ đầu tư,...⁴, điều này làm gia tăng tính liên thông và mức độ rủi ro lan truyền trong hệ thống ngân hàng, tài chính do rủi ro có khả năng lây lan từ các công ty con sang công ty mẹ (là các TCTD) nếu không được theo dõi, nhận diện, sẽ gây ra những hệ lụy nghiêm trọng cho ngân hàng mẹ nói riêng và hệ thống tiền tệ, tài chính nói chung. Đặc biệt, mối liên kết chặt chẽ, thiếu minh bạch giữa công ty mẹ và công ty con cũng là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hành vi gian lận tài chính và nếu không được theo dõi chặt chẽ hay nhận diện bởi cơ quan quản lý, sẽ tiềm ẩn nguy cơ đổ vỡ hệ thống tài chính, gây ảnh hưởng nghiêm trọng, lâu dài tới sức khỏe nền kinh tế.

(iii) Kể từ thời điểm sáp nhập vào Vụ Dự báo, thống kê và trở thành Vụ DBTKOD (có hiệu lực từ ngày 05/01/2025 theo Nghị định số 146/2024/NĐ-CP), việc nhận được thông tin, số liệu, báo cáo từ các đơn vị thuộc NHNN có liên quan để phục vụ công tác nhận diện, đánh giá rủi ro hệ thống không còn được liên mạch, thông suốt do đơn vị sáp nhập, đồng thời các đơn vị liên quan cũng thực hiện các khâu sắp xếp tổ chức, bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW của Trung

⁴ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 111 Luật Các TCTD 2024.

ương (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Quản lý ngoại hối). Cho đến nay, khi Nghị định số 26/2025/NĐ-CP có hiệu lực (từ 01/03/2025), các đơn vị liên quan cũng đã hoàn thành xong việc sắp xếp tổ chức, bộ máy và đi vào hoạt động, cần thiết phải có sửa đổi, nâng cấp Quy chế GSRRHT để chức năng “ổn định tiền tệ, tài chính” tiếp tục được thực hiện hiệu quả hơn.

Xuất phát từ cơ sở thực tiễn nêu trên, việc hoàn thiện hành lang pháp lý theo hướng bao quát hơn, hướng tới mục tiêu đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính của NHNN, mà trước mắt cần thiết phải ban hành một Thông tư quy định trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính (kế thừa từ Quy chế GSRRHT) là cần thiết nhằm thực hiện chức năng “ổn định tiền tệ, tài chính” NHNN đã được giao tại Nghị định 26/2025/NĐ-CP.

2. Nội dung dự thảo Thông tư

1. Bố cục dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư có 06 Chương 20 Điều, gồm:

(i) Chương I: Quy định chung, gồm 05 Điều: **(1)** Phạm vi điều chỉnh; **(2)** Đối tượng áp dụng; **(3)** Giải thích từ ngữ; **(4)** Nguyên tắc nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống; **(5)** Quản lý, lưu trữ tài liệu, thông tin, dữ liệu.

(ii) Chương II: Trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, gồm 07 Điều: **(6)** Các bước nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính; **(7)** Thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu; **(8)** Xử lý, cập nhật tài liệu, thông tin, dữ liệu; **(9)** Nội dung nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính; **(10)** Báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính; **(11)** Nguyên tắc lập và gửi báo cáo nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính; **(12)** Hồ sơ nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống.

(iii) Chương III: Phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức trong quá trình nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, gồm 2 Điều: **(13)** Phạm vi phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức; **(14)** Hình thức phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức

(iv) Chương IV: Các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, gồm 1 Điều: **(15)** Các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.

(v) Chương V: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, gồm 3 Điều: **(16)** Trách nhiệm của đơn vị đầu mối; **(17)** Trách nhiệm của các đơn vị phối hợp; **(18)** Trách nhiệm của tổ chức báo cáo.

(vi) **Chương VI: Điều khoản thi hành**, gồm 2 Điều: **(19)** Hiệu lực thi hành; **(20)** Tổ chức thực hiện.

2. Một số nội dung chủ yếu của dự thảo Thông tư

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Định hướng về phạm vi điều chỉnh: thực hiện trong ngành ngân hàng, nhằm nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.

Theo đó, phạm vi điều chỉnh được quy định tại Điều 1 dự thảo Thông tư như sau: “Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ ổn định hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).”

2.2. Đối tượng áp dụng

Định hướng về đối tượng áp dụng: (i) Các đơn vị có liên quan thuộc NHNN; (ii) Các TCTD; (iii) Đối tượng khác.

Theo đó, đối tượng áp dụng được cụ thể hóa tại Điều 2 dự thảo Thông tư như sau:

“1. Đơn vị đầu mối: Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính là đơn vị đầu mối thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.

2. Đơn vị phối hợp bao gồm: Các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

3. Đơn vị báo cáo (sau đây gọi là tổ chức báo cáo) bao gồm:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

b) Cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.”

2.3. Về điều khoản thi hành

“Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.”

Trên cơ sở khi Thông tư được ban hành và có hiệu lực thi hành, Đơn vị đầu mối sẽ triển khai các công việc tiếp theo để triển khai thực hiện Thông tư. Theo đó, những quy định trước đây về quy chế giám sát rủi ro hệ thống ban hành theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016 hết hiệu lực, kể từ khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2.4. Thuyết minh các điều khoản của dự thảo Thông tư

Do dự thảo Thông tư đang được xây dựng để ban hành lần đầu (không phải là thông tư sửa đổi, bổ sung hay thay thế Thông tư đã ban hành), nên Đơn vị đầu

mỗi bổ sung thuyết minh đối với từng điều khoản của dự thảo Thông tư nhằm cung cấp thêm thông tin cần thiết cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình góp ý kiến hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Toàn văn dự thảo Thông tư được thuyết minh như sau:

STT	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
1	Tên Thông tư “Thông tư quy định trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính”	Công tác đảm bảo ổn định tiền tệ, tài chính là một trong những nhiệm vụ của NHNN đã được thể chế hóa (tại NĐ26) và được đề cập tại Chiến lược ngành ngân hàng 2025-2030 theo QĐ 986 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Vụ DBTKOD được giao là đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên. Về cơ bản, do tính chất phạm vi rộng và phức tạp, nhiệm vụ trên đòi hỏi có sự tham gia, phối hợp của các đơn vị thuộc NHNN để thực hiện mục tiêu chung của NHNN. Vụ DBTKOD trên cơ sở nhận diện và đánh giá các rủi ro có tính hệ thống sẽ đề xuất các khuyến nghị chính sách để các đơn vị phối hợp cân nhắc thực hiện (thông qua việc điều chỉnh chính sách sẵn có hoặc vận dụng các công cụ điều tiết/can thiệp thị trường đã được giao, tùy theo lĩnh vực, phạm vi quản lý nghiệp vụ mà đơn vị phối hợp được Thống đốc giao). Để đảm bảo tính linh hoạt và nâng cao trách nhiệm chung trong việc thực hiện nhiệm vụ ổn định tiền tệ, tài chính, mà trọng tâm là lĩnh vực ngân hàng, các đơn vị căn cứ theo lĩnh vực quản lý nghiệp vụ được giao sẽ thẩm định, giải trình với Thống đốc về khả năng thực hiện khuyến nghị được Thống đốc phân công trên cơ sở khuyến nghị tổng thể do đơn vị đầu mối đề xuất.
2	Chương I. Quy định chung Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.	Phạm vi điều chỉnh của Thông tư nhằm quy định trình tự, thủ tục thực hiện theo dõi, phân tích, nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống (surveillance) để có cơ sở đề xuất các giải pháp phòng ngừa chứ không thực hiện các hoạt động giám sát vi mô (supervision), hoặc biện pháp can thiệp với các tổ chức tài chính riêng lẻ. Đây là ranh giới phân định với Thông tư 08 để đảm bảo yếu tố không trùng lặp trong giám sát ngân hàng và giám sát an toàn vĩ mô, thậm chí còn mang tính hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau. Thông tư chỉ điều chỉnh về trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ,

		ngân hàng, tài chính nhằm bảo đảm quyền hạn pháp lý để NHNN thực thi nhiệm vụ ổn định tiền tệ, tài chính (cụ thể hóa Nghị định 26), đồng thời tạo cơ sở để xác định đối tượng chịu trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp, báo cáo.
3	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Đơn vị đầu mối: Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính là đơn vị đầu mối thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 2. Đơn vị phối hợp bao gồm: Các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. 3. Đơn vị báo cáo (sau đây gọi là tổ chức báo cáo) bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. b) Cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.	Phân định rõ: (i) đơn vị đầu mối (Vụ Dự báo, thống kê – Ổn định tiền tệ, tài chính); (ii) các đơn vị phối hợp thuộc NHNN và Bảo hiểm tiền gửi; (iii) tổ chức báo cáo: tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức liên quan (chứng khoán, bảo hiểm, quản lý quỹ, bất động sản). Tính cần thiết: Bảo đảm trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng, thuận lợi cho thu thập dữ liệu và phối hợp nội bộ.
4	Điều 3. Giải thích từ ngữ Tại Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. <i>Rủi ro có tính hệ thống</i> là loại rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng diện rộng đến thị trường tài chính và nền kinh tế. Rủi ro này có thể bắt nguồn từ các cú sốc vĩ mô bên ngoài hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính; hoặc phát sinh từ bên trong hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính như sự đổ vỡ, mất khả năng chi trả của một hoặc một số ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống, có thể gây gián đoạn hoạt động toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 2. <i>Kiểm tra sức chịu đựng</i> là việc phân tích, đánh giá khả năng chống đỡ của các chủ thể bao gồm hệ thống tài chính, khu vực doanh nghiệp, khu vực ngân sách trước các biến động bất lợi về tiền tệ, ngân hàng, tài chính và kinh tế vĩ mô, được thực hiện trên cơ sở các kịch bản giả định về các cú sốc bắt nguồn từ cả nội tại nền kinh tế và từ thị trường quốc tế.	Định nghĩa các thuật ngữ then chốt (ví dụ “rủi ro có tính hệ thống”, “kiểm tra sức chịu đựng”, “ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống”, , v.v.) để bảo đảm sự nhất quán trong áp dụng, giảm tranh luận pháp lý về phạm vi áp dụng.

3. <i>Ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống</i> là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mà khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài này mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, phá sản thì có khả năng gây tác động tiêu cực lên toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc gây ra rủi ro hệ thống làm gián đoạn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ nền kinh tế. 4. <i>Phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức</i> là việc đơn vị đầu mối yêu cầu các đơn vị phối hợp và tổ chức báo cáo giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh cho tính chính xác, đầy đủ của tài liệu, thông tin, báo cáo và làm rõ những vấn đề có liên quan đến rủi ro có tính hệ thống đối với lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 5. <i>Trình tự nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống</i> là một chuỗi các bước hoặc hoạt động được sắp xếp theo một trình tự nhất định về việc sử dụng các phương pháp định tính và định lượng nhằm phân tích, đánh giá các nguy cơ, mức độ rủi ro tiềm ẩn đối với hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính. Trên cơ sở đó, xây dựng và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa, hạn chế các rủi ro này. 6. <i>Báo cáo ổn định tài chính</i> là báo cáo đánh giá tính lành mạnh và sự ổn định của hệ thống tài chính Việt Nam trước các diễn biến, tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước; đánh giá tính dễ bị tổn thương, sức chịu đựng trước cú sốc của các khu vực trong hệ thống tài chính, rủi ro có tính hệ thống tiềm ẩn trong sự liên kết giữa các khu vực tài chính cũng như mối tương tác giữa các khu vực tài chính và khu vực kinh tế thực; đánh giá mức độ lành mạnh của khu vực tài chính và khả năng tác động của khu vực kinh tế thực tới sự lành mạnh của hệ thống tài chính. 7. <i>Mối liên kết tài chính-vĩ mô</i> là các mối liên kết tập trung vào sự tương tác hai chiều giữa khu vực kinh tế thực và khu vực tài chính, có thể khuếch đại các yếu tố tiêu cực của chu kỳ kinh tế và chu kỳ tài chính.	
--	--

8. *Mô hình định lượng* là công cụ phân tích sử dụng các phương pháp định lượng để đánh giá các hoạt động kinh tế, tài chính dựa trên dữ liệu thực tế và các mô hình toán, thống kê, cũng như các kỹ thuật kinh tế lượng nhằm giải thích các hành vi quan sát được. Mô hình định lượng được xây dựng nhằm mục đích đo lường các tác động của các tác nhân kinh tế đơn lẻ hoặc toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính, cũng như các ảnh hưởng của các cú sốc đối với hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính hoặc nền kinh tế. Qua đó, mô hình phục vụ cho việc phân tích, đánh giá hiện tượng kinh tế, tác động chính sách và xây dựng các kịch bản chính sách phù hợp.

9. *Phân tích định tính* tập trung vào việc tìm hiểu các hiện tượng kinh tế, tài chính bằng cách nghiên cứu thông tin không dựa chủ yếu vào số liệu như khảo sát, phỏng vấn, quan sát và nghiên cứu trường hợp, để đưa ra nhận định sâu sắc về động cơ, hành vi của các chủ thể kinh tế, tài chính dựa trên kinh nghiệm chuyên gia và bối cảnh trong nước và quốc tế.

10. *Khu vực kinh tế thực* là một phần của tổng thể nền kinh tế, chịu trách nhiệm thực hiện hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ, không bao gồm các hoạt động dịch vụ tài chính như dịch vụ ngân hàng, dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác.

11. *Chu kỳ kinh tế* là các biến động lặp đi lặp lại của hoạt động kinh tế, được đặc trưng bởi các giai đoạn mở rộng và thu hẹp, xoay quanh một xu hướng dài hạn.

12. *Chu kỳ tài chính* là những biến động được khuếch đại bởi hệ thống tài chính hoặc phát sinh trực tiếp từ hệ thống tài chính. Chu kỳ này thường thể hiện qua sự biến động đồng thời giữa tổng tín dụng và giá tài sản, đồng thời có khả năng tác động đến diễn biến của khu vực kinh tế thực.

13. *Khu vực đối ngoại* là bộ phận của nền kinh tế quốc gia phản ánh toàn bộ các giao dịch kinh tế quốc tế giữa tổ chức, cá nhân cư trú trong nước với tổ chức, cá nhân không cư trú, bao gồm giao dịch về hàng hóa, dịch vụ, dòng vốn, đầu tư và các luồng tài chính – tiền tệ khác theo quy định

	của pháp luật. 14. <i>Khu vực tài khóa</i> là bộ phận của nền kinh tế bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức được giao quản lý tài chính công và các doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu, thực hiện hoạt động thu – chi ngân sách, cung cấp dịch vụ công, quản lý nợ công và các khoản chuyển giao thu nhập theo quy định của pháp luật. 15. <i>Khu vực tiền tệ, tín dụng</i> là bộ phận của nền kinh tế phản ánh các hoạt động và diễn biến liên quan đến cung ứng tiền tệ, tín dụng, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các công cụ chính sách tiền tệ khác theo quy định của pháp luật. 16. <i>Rủi ro tín dụng quá mức</i> là rủi ro phát sinh từ việc gia tăng không bền vững hoạt động cho vay, vay mượn trong nền kinh tế, có khả năng dẫn tới nợ xấu, suy giảm khả năng trả nợ và đe dọa sự ổn định tài chính. 17. <i>Rủi ro tín dụng tập trung</i> là rủi ro phát sinh khi dư nợ tín dụng tập trung với tỷ trọng lớn vào một hoặc một số tổ chức, khách hàng, ngành, lĩnh vực có mức độ rủi ro cao, làm gia tăng nguy cơ mất an toàn hệ thống và đe dọa sự ổn định tài chính.	
5	Điều 4. Nguyên tắc nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống 1. Công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính được thực hiện đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm tính toàn diện, khách quan, trung thực, và kịp thời; được thực hiện định kỳ, thường xuyên, góp phần thực hiện nhiệm vụ ổn định hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính của Ngân hàng Nhà nước. 2. Tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này được sử dụng phục vụ cho mục đích nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 3. Trình tự nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống không chồng chéo với các quy trình quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của	Quy định nguyên tắc cơ bản: thực hiện đúng thẩm quyền, toàn diện, khách quan, kịp thời; tài liệu, thông tin, dữ liệu dùng cho nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống phải được bảo mật và sử dụng đúng mục tiêu; tránh chồng chéo với quy trình giám sát theo chức năng các đơn vị của NHNN. Đồng thời, đảm bảo Thông tư là khung pháp lý hỗ trợ cho các chức năng thanh tra/giám sát hiện hữu (như Thông tư 08), không lấn áp hay trùng lặp; tạo nền tảng pháp lý cho cơ chế phối hợp nội bộ.

	các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, bảo đảm tính kế thừa, tổng hợp và mở rộng, nhằm bao quát các rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước. 4. Việc thực hiện trình tự nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính được thực hiện trên cơ sở phối hợp giữa đơn vị đầu mối, các đơn vị phối hợp và tổ chức báo cáo.	
6	Điều 5. Quản lý, lưu trữ tài liệu, thông tin, dữ liệu 1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập, theo dõi, quản lý một cách trung thực, khách quan, khoa học và có tính kế thừa; 2. Tài liệu, thông tin, dữ liệu được quản lý, lưu trữ theo quy định hiện hành về lưu trữ văn bản; 3. Tài liệu, thông tin, dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước được quản lý, lưu trữ và sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước; 4. Các tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức báo cáo được bảo mật theo quy định của pháp luật.	Điều 5 quy định nguyên tắc quản lý, lưu trữ và bảo mật các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập, tổng hợp phục vụ công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống. Trên thực tế, công tác nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng, tính toàn vẹn và khả năng truy xuất của dữ liệu; vì vậy cần quy định nguyên tắc quản lý và lưu trữ rõ ràng làm cơ sở pháp lý cho hoạt động nghiệp vụ. Ngoài ra, các loại dữ liệu có mức độ nhạy cảm khác nhau (tài liệu hành chính, dữ liệu doanh nghiệp, bí mật nhà nước) chịu các chế độ pháp lý khác nhau; Thông tư cần phân định thể thức quản lý tương ứng để tránh xung đột pháp luật và rủi ro pháp lý. Một cơ chế lưu trữ, phân quyền và kiểm soát truy cập hợp lý giúp giảm nguy cơ rò rỉ thông tin nhạy cảm, tránh tạo hoang mang thị trường hoặc làm tổn hại tới quyền lợi của các tổ chức báo cáo.
7	Chương II. Trình tự, thủ tục nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Mục 1. Các bước nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Điều 6. Các bước nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Đơn vị đầu mối thực hiện các bước sau đây: 1. Thực hiện tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập từ các đơn vị phối hợp và tổ chức báo cáo theo quy định tại	Điều khoản quy định quy trình chuẩn để bảo đảm tính hệ thống, minh bạch trong nhận diện và xử lý rủi ro có tính hệ thống; quy trình này là khung vận hành giúp đơn vị đầu mối và đơn vị phối hợp hoạt động hiệu quả, minh bạch, phân định rõ trách nhiệm thực hiện. Trình tự được thực hiện theo nguyên tắc sau: Bước 1 (thu thập/tổng hợp dữ liệu): nhằm tạo cơ sở dữ liệu đầu vào đồng bộ; Bước 2 (phân tích định tính/định lượng): sử dụng mô hình và khảo sát; Bước 3 (lập báo cáo, tham vấn): đảm bảo chất lượng nội dung trước khi trình Thống đốc; quy định lấy ý kiến có ngoại lệ với báo cáo đột xuất để xử lý khẩn cấp. Về tổng thể Chương 2, Mục 1 là quy trình

	Điều 7, Điều 8 Thông tư này; 2. Sử dụng kết quả tổng hợp tại Khoản 1 Điều này, kết hợp với các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để thực hiện nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính theo các nội dung quy định tại Điều 9 Thông tư này; 3. Lập báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt triển khai. Việc lập báo cáo được thực hiện theo quy trình sau: a) Xây dựng khung phân tích và xác định các chỉ tiêu phù hợp với nội dung báo cáo; b) Xây dựng, hoàn thiện nội dung báo cáo, trong đó đề xuất các khuyến nghị, biện pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính; c) Trường hợp cần thiết, đơn vị đầu mối lấy ý kiến của các đơn vị phối hợp về nội dung báo cáo, tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung hoặc bảo lưu có giải trình (trừ trường hợp báo cáo đột xuất, gấp), sau đó trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt; d) Sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, báo cáo được gửi tới các đơn vị phối hợp để tổ chức triển khai các khuyến nghị, biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro đã được phê duyệt. d) Đối với các báo cáo được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép công bố, đơn vị đầu mối phối hợp với đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc đăng tải trên Công thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.	vận hành; Mục 2 là quy định về hạ tầng dữ liệu và nguồn; Mục 3 là nội dung/khung phân tích, theo đó ba phần bổ trợ cho nhau thành quy trình khép kín, không trùng lặp.
8	Mục 2. Thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu Điều 7. Thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu Để phục vụ công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, đơn vị đầu mối tiến hành thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu, cụ thể như sau:	Điều 7 quy định nguồn và hình thức thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống, gồm: (i) nguồn từ các đơn vị phối hợp trong NHNN; (ii) nguồn từ tổ chức báo cáo (TCTD, chi nhánh NN); (iii) nguồn thu thập từ Bộ, ngành; (iv) nguồn công khai; (v) nguồn do đơn vị đầu mối tự thu thập. Đồng thời quy định các hình thức thu thập: khai thác trực tiếp hệ thống cơ sở

	1. Nguồn thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu: a) Từ các đơn vị phối hợp và các tổ chức báo cáo, trong đó bao gồm các sản phẩm báo cáo đầu ra và các chỉ tiêu số liệu đầu vào theo tần suất, phạm vi, định dạng theo đề nghị của đơn vị đầu mối; b) Tài liệu, thông tin, dữ liệu phù hợp do đơn vị phối hợp thu thập, tổng hợp từ các Bộ, Ngành liên quan; c) Từ các nguồn công khai do các Bộ, Ngành, Cơ quan quản lý nhà nước công bố trên cổng thông tin điện tử chính thức; d) Từ thông tin được công bố của các Tổ chức quốc tế hoặc do Tổ chức quốc tế cung cấp; đ) Từ các nguồn thông tin, dữ liệu khác do đơn vị đầu mối tự thu thập, tổng hợp. 2. Hình thức thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu: a) Khai thác trực tiếp từ hệ thống các cơ sở dữ liệu do Ngân hàng Nhà nước quản lý, trong đó bao gồm hệ thống các mẫu biểu theo chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước ban hành theo từng thời kỳ; b) Qua văn bản đề nghị chính thức khi có yêu cầu đột xuất của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc đơn vị đầu mối; c) Qua hộp thư điện tử do đơn vị đầu mối cung cấp; d) Qua hệ thống văn bản điện tử của Ngân hàng Nhà nước; đ) Qua cổng thông tin điện tử chính thức hoặc từ nguồn khác của các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước; e) Qua báo cáo tại các buổi làm việc trực tiếp với các đơn vị phối hợp, tổ chức báo cáo.	dữ liệu của NHNN, văn bản đề nghị chính thức, email, kênh điện tử. Việc quy định nguồn và hình thức thu thập tạo căn cứ pháp lý rõ ràng để đơn vị đầu mối thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin một cách hợp pháp, kịp thời và có tiêu chuẩn. Quy định này giúp tránh tình trạng thu thập tùy tiện, đảm bảo tính hệ thống, trách nhiệm và khả năng truy vết nguồn dữ liệu. Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước được xử lý theo Luật bảo vệ bí mật Nhà nước; thông tin riêng của tổ chức báo cáo được bảo mật theo quy định. Quy định thu thập không phải là cho phép công khai dữ liệu. Dự thảo không liệt kê chi tiết các chỉ tiêu trong Thông tư để giữ tính linh hoạt; thay vào đó quy định khung trách nhiệm, các chỉ tiêu cụ thể sẽ được bổ sung, cụ thể hoá vào Sổ tay tại thời điểm thích hợp, nhằm tránh Thông tư trở nên lỗi thời và linh hoạt hơn khi chỉ tiêu/hệ thống/khung phân tích, đánh giá rủi ro có tính hệ thống biến động, thay đổi.
9	Điều 8. Xử lý, cập nhật tài liệu, thông tin, dữ liệu 1. Đơn vị đầu mối cập nhật tài liệu, thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. Thời hạn cập nhật tài liệu, thông tin, dữ liệu phụ thuộc vào định kỳ, mức độ sẵn sàng của tài liệu, thông tin, dữ liệu và theo đúng quy định của pháp luật hiện	Điều 8 quy định quy trình xử lý, rà soát, cập nhật và lưu trữ dữ liệu sau khi thu thập: kiểm tra tính đầy đủ, phát hiện sai sót, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích, cập nhật theo chu kỳ và theo yêu cầu, xử lý khi phát hiện sai lệch (gửi yêu cầu giải trình cho đơn vị cung cấp). Cụ thể, chất lượng phân tích rủi ro phụ

	hành về thời hạn cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu. 2. Dựa trên tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được theo quy định tại Điều 7 Thông tư này, đơn vị đầu mối tiến hành xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu theo các nội dung sau: a) Rà soát tài liệu, thông tin, dữ liệu; phát hiện sai sót (nếu có) trong quá trình rà soát, xử lý, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu. b) Tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu phù hợp phục vụ cho công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 3. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu có sai sót, thiếu, chậm trễ hoặc cần làm rõ trong quá trình thực thi nội dung được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này, đơn vị đầu mối trực tiếp gửi yêu cầu tới các đơn vị phối hợp và tổ chức báo cáo để có báo cáo, giải trình và biện pháp điều chỉnh phù hợp.	thuộc trực tiếp vào chất lượng dữ liệu; do đó cần quy định bắt buộc về xử lý, rà soát và cập nhật để đảm bảo tính chính xác, nhất quán và khả năng so sánh theo thời gian. Quy định này cũng tạo cơ sở pháp lý để đơn vị đầu mối yêu cầu hiệu chỉnh, giải trình và lưu trữ văn bản chứng minh khi phát hiện sai sót. Mục tiêu không phải tăng thủ tục mà là nâng chuẩn dữ liệu, Đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức xử lý và duy trì cơ sở dữ liệu; các đơn vị cung cấp chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính trung thực ban đầu
10	Mục 3. Nội dung nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Điều 9. Nội dung nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Công tác nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống được thực hiện thông qua việc phân tích một, một số hoặc tất cả các nội dung sau đây: 1. Phân tích diễn biến, đánh giá rủi ro có tính hệ thống tiềm ẩn bắt nguồn từ các khu vực kinh tế vĩ mô, tài chính trong nước và quốc tế, bao gồm: a) Rủi ro từ khu vực kinh tế thực; b) Rủi ro từ khu vực tiền tệ, tín dụng; c) Rủi ro từ khu vực đối ngoại; d) Rủi ro từ khu vực tài khóa. 2. Nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính theo mục tiêu trung gian của chính sách an toàn vĩ mô theo thông lệ quốc tế, bao gồm: a) Rủi ro tăng trưởng tín dụng và sử dụng đòn bẩy quá mức;	Điều khoản quy định rõ nội dung, khung phân tích: rủi ro từ khu vực kinh tế thực, tiền tệ-tín dụng, ngoại thương, tài khóa; rủi ro tín dụng/đòn bẩy; rủi ro thanh khoản; mối liên kết tài chính-vĩ mô; xây dựng kịch bản; kiểm tra sức chịu đựng; nhận diện tổ chức trọng yếu.

b) Rủi ro tín dụng tập trung quá mức; c) Rủi ro thanh khoản; d) Rủi ro từ sự thiếu lành mạnh của hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 3. Phân tích, nhận diện nguy cơ của rủi ro lan truyền trong hệ thống tài chính bắt nguồn từ mối liên kết tài chính trong nội tại hệ thống ngân hàng và mối liên kết giữa lĩnh vực ngân hàng và các lĩnh vực khác, bao gồm một, một số hoặc tất cả các nội dung sau: a) Mối liên kết giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; b) Mối liên kết giữa hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính khác, bao gồm các tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm và quản lý quỹ đầu tư; c) Mối liên kết giữa hệ thống ngân hàng và khu vực kinh tế thực, trong đó bao gồm khu vực doanh nghiệp và hộ gia đình; d) Mối liên kết giữa hệ thống ngân hàng và các thị trường tài sản, trong đó bao gồm thị trường bất động sản. 4. Xây dựng các kịch bản phân tích và dự báo ảnh hưởng của những thay đổi chính sách hoặc những cú sốc kinh tế, tài chính trong nước và quốc tế đối với lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính trong nước. 5. Việc kiểm tra sức chịu đựng được thực hiện định kỳ bán niên, hằng năm hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với một, một số hoặc tất cả các nội dung sau: a) Kiểm tra sức chịu đựng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với các rủi ro liên quan đến tín dụng, thị trường, thanh khoản và các rủi ro khác có liên quan; b) Kiểm tra sức chịu đựng của khu vực doanh nghiệp đối với rủi ro về chi phí lãi vay và lợi nhuận; c) Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, kiểm tra sức chịu đựng đối với các chủ thể khác hoặc các loại rủi ro phát sinh ngoài các nội dung quy định tại điểm a và điểm b Khoản này. 6. Nhận diện, đánh giá rủi ro đối với các ngân hàng thương mại có tầm quan trọng	
---	--

	hệ thống. 7. Thực hiện khảo sát rủi ro có tính hệ thống đối với các tổ chức báo cáo.	
11	Mục 4. Lập báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. Điều 10. Báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Trên cơ sở kết quả nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính theo các nội dung được quy định tại Điều 9 Thông tư này, đơn vị đầu mối triển khai xây dựng: 1. Báo cáo Ổn định tài chính bán niên và hàng năm; 2. Các báo cáo chuyên đề hằng quý, bán niên, hằng năm về một, một số, hoặc tất cả nội dung được quy định tại Điều 9 Thông tư này; 3. Các báo cáo đột xuất do đơn vị đầu mối nhận thấy cần thực hiện hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về một, một số, hoặc tất cả nội dung được quy định tại Điều 9 Thông tư này.	Điều 10 quy định nhiệm vụ, loại báo cáo do đơn vị đầu mối xây dựng trên cơ sở kết quả nhận diện, đánh giá rủi ro hệ thống, gồm: (i) Báo cáo ổn định tài chính bán niên và hàng năm; (ii) Các báo cáo chuyên đề (hàng quý, bán niên, hàng năm) về một hoặc một số nội dung quy định tại Điều 9; (iii) Báo cáo đột xuất hoặc theo yêu cầu của Thống đốc về các nội dung nêu tại Điều 9. Đảm bảo NHNN có căn cứ phân tích, đánh giá định kỳ và kịp thời về trạng thái rủi ro của hệ thống tài chính; từ đó chủ động đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro ở cấp chính sách; Việc phân loại các loại báo cáo (định kỳ — chuyên đề — đột xuất) giúp tổ chức nguồn lực xây dựng nội dung, hệ thống dữ liệu và phân công trách nhiệm phù hợp; đồng thời truyền đạt rõ ràng mong đợi đầu ra (báo cáo ổn định tài chính) phục vụ hoạch định chính sách vĩ mô, quan hệ với các cơ quan liên quan và thông tin có kiểm soát tới công chúng nếu được phép. Một số báo cáo, đặc biệt báo cáo đột xuất hoặc có nội dung nhạy cảm, chứa thông tin có thể ảnh hưởng tâm lý thị trường; do đó Thống đốc quyết định việc công bố Việc này phù hợp với nguyên tắc bảo mật và hạn chế rủi ro truyền nhiễu thông tin.
12	Điều 11. Nguyên tắc lập và gửi báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính 1. Đối với báo cáo định kỳ: Báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và tài chính hằng quý, bán niên, hằng năm có thời hạn như sau: a) Báo cáo hằng quý được hoàn thành trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ thời điểm kết thúc quý báo cáo; b) Báo cáo hằng năm được hoàn thành trước ngày 31 tháng 5 của năm kế tiếp năm báo cáo;	Điều 11 quy định thời hạn hoàn thành các loại báo cáo định kỳ và quy định nội dung, thời hạn báo cáo đột xuất. Cụ thể trong dự thảo: báo cáo quý hoàn thành trong không quá 60 ngày kể từ khi kết thúc quý; báo cáo năm hoàn thành trước ngày 31/5 của năm sau; báo cáo bán niên hoàn thành trước ngày 31/10 của năm báo cáo; báo cáo đột xuất lập theo yêu cầu và căn cứ tình hình thực tế. Thời hạn báo cáo cân bằng giữa tính kịp thời và khả năng thu thập, xử lý dữ liệu trong điều kiện hệ thống dữ liệu và quy trình phối hợp hiện hành; quy định thời hạn cụ thể tạo trách nhiệm cho đơn vị đầu mối và các đơn vị phối hợp, đồng thời là cơ sở để đánh giá hiệu quả triển khai. Việc duy trì mức 60 ngày nhằm đảm bảo chất lượng dữ liệu, cho phép kiểm tra chéo,

	c) Báo cáo bán niên được hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo. 2. Đối với báo cáo đột xuất: a) Báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và tài chính đột xuất được lập trong trường hợp đơn vị đầu mối phát hiện rủi ro tiềm ẩn có khả năng ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tiền tệ ngân hàng, tài chính; hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. b) Thời hạn của báo cáo đột xuất căn cứ vào diễn biến tình hình thực tế hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	điều chỉnh số liệu và tránh phát hành báo cáo kém chuẩn xác; đồng thời vẫn bảo đảm tính kịp thời cho mục tiêu chính sách. Khi hạ tầng dữ liệu và quy trình được nâng cao (qua Sổ tay, tự động hoá báo cáo), có thể xem xét rút ngắn thời hạn. Thời hạn lập báo cáo đột xuất căn cứ tính cấp bách; điều này là cần thiết để xử lý khủng hoảng hoặc diễn biến bất ngờ, và Thống đốc có quyền chỉ đạo mức độ xử lý.
13	Điều 12. Hồ sơ nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống 1. Hồ sơ phục vụ công tác nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống bao gồm: a) Báo cáo ổn định tài chính bán niên, hằng năm; b) Báo cáo hằng quý, bán niên, hằng năm về một, một số hoặc tất cả các chỉ tiêu, nội dung đã quy định tại Điều 9 Thông tư này; c) Báo cáo đột xuất do đơn vị đầu mối nhận thấy cần thực hiện hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; d) Giấy tờ, tài liệu liên quan khác theo quy định pháp luật. 2. Hồ sơ phải được lưu trữ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.	Điều 12 quy định hồ sơ tối thiểu phục vụ công tác nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp, gồm: (i) báo cáo ổn định tài chính bán niên, hằng năm; (ii) báo cáo định kỳ/quý chuyên đề về chỉ tiêu/nội dung tại Điều 9; (iii) báo cáo đột xuất theo yêu cầu Thống đốc; (iv) các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định pháp luật. Điều 12 cũng quy định việc lưu trữ hồ sơ theo Điều 5. Theo đó, hồ sơ là bằng chứng pháp lý, nguồn tham chiếu để kiểm tra, đánh giá lại; quy định danh mục hồ sơ tối thiểu giúp chuẩn hóa yêu cầu và đảm bảo tính kế thừa, minh bạch trong công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa rủi ro. Việc quy định hồ sơ làm cơ sở cho việc lưu trữ, bảo mật và truy xuất khi cần phục vụ thanh tra, điều tra hoặc đánh giá chính sách. Ngoài ra, việc liệt kê toàn bộ các chỉ tiêu thông kê trong Thông tư sẽ giảm tính linh hoạt của văn bản, khó cập nhật khi cần chỉnh sửa biểu mẫu hoặc mở rộng chỉ tiêu, đặc biệt trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô, rủi ro có tính hệ thống biến động liên tục. Thay vào đó, biểu mẫu và chỉ tiêu kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa trong Sổ tay nghiệp vụ do đơn vị đầu mối ban hành sau khi Thông tư có hiệu lực.
14	Chương III. Phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức trong quá trình nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Điều 13. Phạm vi phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức	Điều 13 quy định phạm vi tiếp xúc, trao đổi giữa đơn vị đầu mối và các đơn vị phối hợp, tổ chức báo cáo trong quá trình thực hiện (làm rõ, yêu cầu bổ sung, khảo sát, phỏng vấn, thu thập tài liệu), chỉ ra các trường hợp phải tiến hành trao đổi (thiếu dữ liệu, khảo sát chuyên sâu, làm rõ vấn đề chuyên môn).

	Trong quá trình thực hiện các nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư này, tùy thuộc vào mức độ cần thiết, đơn vị đầu mối tiến hành phối hợp, tiếp xúc, trao đổi, làm rõ với các đơn vị phối hợp và tổ chức báo cáo thông qua các hình thức theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này trong các trường hợp sau: 1. Phát sinh tình trạng sai sót, thiếu, chậm trễ hoặc cần làm rõ tài liệu, thông tin, dữ liệu; 2. Thực hiện các cuộc khảo sát liên quan đến nhiệm vụ nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 3. Trao đổi, làm rõ các vấn đề liên quan đến công tác nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.	Trên thực tế, công tác nhận diện rủi ro đòi hỏi trao đổi trực tiếp để làm rõ thông tin, đánh giá định tính, kiểm chứng nguồn và hiểu bối cảnh hoạt động thực tế; do đó cần quy định phạm vi tiếp xúc để tránh lạm dụng và bảo đảm thủ tục minh bạch. Điều khoản là cơ sở pháp lý cho đơn vị đầu mối chủ động làm việc với các bên trong trường hợp cần thiết, đặc biệt liên quan đến nhu cầu trao đổi quan điểm, thông tin về đánh giá định tính (rủi ro)
15	Điều 14. Hình thức phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị, tổ chức 1. Các hình thức phối hợp, tiếp xúc, trao đổi với các đơn vị phối hợp, tổ chức báo cáo bao gồm: a) Qua điện thoại; b) Yêu cầu phản hồi bằng văn bản; c) Qua các kênh liên lạc trực tuyến chính thức như hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống quản lý văn bản điện tử, nền tảng họp trực tuyến có xác thực hoặc các phương thức trực tuyến khác được Ngân hàng Nhà nước công nhận; d) Làm việc trực tiếp tại đơn vị phối hợp, trụ sở của tổ chức báo cáo. 2. Trường hợp làm việc trực tiếp, đơn vị đầu mối có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến các đơn vị, tổ chức liên quan ít nhất 05 ngày làm việc trước thời điểm làm việc (trừ trường hợp khẩn do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu), trong đó nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm và thành phần tham dự.	Điều 14 quy định các hình thức hợp tác, trao đổi: (a) điện thoại, email; (b) yêu cầu phản hồi bằng văn bản; (c) kênh liên lạc trên nền tảng trực tuyến; (d) làm việc trực tiếp tại đơn vị phối hợp (với quy định thông báo 05 ngày làm việc trước, trừ trường hợp khẩn). Cụ thể, điều khoản xác định rõ các hình thức tiếp xúc giúp chuẩn hoá quá trình thu thập và làm việc, giảm rủi ro tranh chấp về thủ tục và chứng cứ trong quá trình rà soát; đồng thời tạo điều kiện ứng dụng công nghệ (kênh trực tuyến) trong trao đổi thông tin, dữ liệu. Quy định thông báo làm việc trực tiếp góp phần tuân thủ nguyên tắc hành chính, tôn trọng quyền của tổ chức được mời làm việc. Dự thảo cũng quy định ngoại lệ cho trường hợp khẩn do Thống đốc yêu cầu; quy tắc 05 ngày nhằm cân bằng giữa quyền bố trí thời gian để chuẩn bị nội dung của bên được mời làm việc và nhu cầu tra cứu thông tin bình thường của đơn vị đầu mối.
16	Chương IV. Các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính Điều 15. Các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh	Rủi ro có tính hệ thống xuất hiện với tính chất đa dạng, không ổn định và mang chiều hướng khác nhau theo từng giai đoạn (tín dụng, thanh khoản, thị trường, v.v.), do đó cần một khung biện pháp mang tính mở để

	vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính 1. Các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính được xác định dựa trên kết quả đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính, căn cứ vào bối cảnh, diễn biến cụ thể và nguyên nhân tiềm ẩn gây rủi ro có tính hệ thống, cũng như kinh nghiệm trong nước và quốc tế, đồng thời phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. 2. Các biện pháp bao gồm một, một số hoặc tất cả các nội dung sau: a) Các biện pháp liên quan tới tiền tệ, tín dụng; b) Các biện pháp liên quan tới thanh khoản; c) Các biện pháp liên quan tới vốn; d) Các biện pháp khác có liên quan.	cơ quan quản lý lựa chọn biện pháp phù hợp từng thời điểm. Việc quy định nhóm biện pháp trong Thông tư tạo cơ sở pháp lý để NHNN triển khai các hành động mang tính can thiệp vĩ mô hoặc vi mô khi cần, đồng thời bảo đảm tính minh bạch về phương hướng chính sách. Mặc dù vậy, việc quy định chi tiết tất cả các biện pháp cụ thể cùng một lúc trong Thông tư có thể gây cứng nhắc, nhanh lỗi thời và khó phản ứng trước cú sốc mới. Do vậy, cách tiếp cận là giữ nguyên tắc và phạm vi biện pháp trong Thông tư, còn biện pháp cụ thể được quyết định sau khi có báo cáo phân tích, kiểm tra sức chịu đựng và phê duyệt của Thống đốc. Như vậy, thông tư quy định nguyên tắc giao Thống đốc quyết định biện pháp, đơn vị đầu mối tham mưu và đơn vị phối hợp triển khai; phân công chi tiết sẽ được thể hiện trong Sổ tay hoặc văn bản chỉ đạo hành chính khi thực hiện.
17	Chương V. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính - Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị đầu mối 1. Chủ trì tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư này. 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Thống đốc ban hành Sổ tay nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống, đề hướng dẫn nghiệp vụ về nhận diện, đánh giá, phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống. 3. Trao đổi, làm rõ với các đơn vị phối hợp, tổ chức báo cáo trong các trường hợp sau: a) Có sai sót, thiếu, chậm trễ hoặc cần làm rõ trong việc cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu; b) Phát sinh nhu cầu về tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các nội dung đã quy định tại Điều 7 của Thông tư này và theo quy định pháp luật nhằm phục vụ công tác nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính;	Điều 16 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị đầu mối (Vụ Dự báo, thống kê — Ổn định tiền tệ, tài chính), bao gồm: chủ trì triển khai quy trình; tổng hợp, phân tích dữ liệu; lập báo cáo đánh giá rủi ro và khuyến nghị biện pháp; trình Thống đốc; xây dựng Sổ tay nghiệp vụ; phối hợp, trao đổi với các đơn vị; truy vấn, yêu cầu làm rõ dữ liệu; phân tích, nhận diện rủi ro và khuyến nghị biện pháp phòng ngừa, gửi báo cáo tới các đơn vị phối hợp hoặc công bố công khai theo quyết định Thống đốc. Như vậy, đơn vị đầu mối cần có trách nhiệm pháp lý rõ ràng để bảo đảm quá trình nhận diện, đánh giá và đề xuất biện pháp có tính hệ thống được triển khai một cách tập trung, thống nhất và có trách nhiệm. Việc giao nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị đầu mối tạo điều kiện cho NHNN hoạt động chủ động, minh bạch, nhanh nhạy trong phân tích và tham mưu chính sách. Ngoài ra, Điều 16 giao nhiệm vụ chủ trì và cho phép thực hiện các yêu cầu phân quyền truy cập trong phạm vi kiểm soát; việc này là cần thiết để đảm bảo đơn vị đầu mối có thể khai thác dữ liệu kịp thời, nhưng phải đi kèm các biện pháp an toàn, kiểm toán truy cập và tuân thủ pháp luật về bảo mật.

	4. Định kỳ hoặc đột xuất trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước báo cáo nhận diện, đánh giá và đề xuất thực hiện biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính và gửi các đơn vị phối hợp và tổ chức báo cáo. 5. Tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc chỉ đạo các đơn vị phối hợp nghiên cứu, triển khai các khuyến nghị và biện pháp phòng ngừa rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính do đơn vị đầu mối đề xuất. 6. Phối hợp với các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện các khuyến nghị, biện pháp ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có tính hệ thống theo yêu cầu.	
18	Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị phối hợp 1. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình theo yêu cầu của đơn vị đầu mối theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật. 2. Phối hợp với đơn vị đầu mối khi có yêu cầu để làm rõ, cập nhật hoặc xác minh các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã cung cấp. 3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao, nghiên cứu, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về khả năng thực hiện các nội dung khuyến nghị do đơn vị đầu mối đề xuất. Trường hợp cần thiết, trao đổi lại với đơn vị đầu mối để thống nhất thực hiện. 4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp cung cấp cho đơn vị đầu mối các tài liệu, thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trong trường hợp phát sinh ngoài các nội dung đã quy định tại Điều 7 của Thông tư này theo yêu cầu của đơn vị đầu mối nhằm phục vụ công tác nhận diện, đánh giá rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính. 5. Thông báo và cập nhật kịp thời cho đơn vị đầu mối khi có điều chỉnh, thay đổi hoặc phát hiện sai sót đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã cung cấp; phối hợp với đơn vị đầu mối trong quá trình triển khai các cuộc khảo sát liên quan đến rủi ro có tính hệ thống trong	Điều 17 quy định trách nhiệm của các đơn vị phối hợp (các vụ, cục thuộc NHNN; Bảo hiểm tiền gửi) trong việc: cung cấp dữ liệu, báo cáo theo danh mục; phối hợp xác minh, làm rõ thông tin; cho phép phân quyền truy cập dữ liệu khi cần; tham gia khảo sát, kiểm tra; hỗ trợ đơn vị đầu mối xây dựng phân tích và triển khai khuyến nghị. Như vậy, công tác nhận diện, đánh giá rủi ro hệ thống yêu cầu hợp lực liên bộ phận; đơn vị phối hợp là nguồn dữ liệu chuyên môn và đóng vai trò quan trọng trong kiểm chứng số liệu. Quy định trách nhiệm phối hợp tạo căn cứ pháp lý để buộc các đơn vị thực hiện hỗ trợ nghiệp vụ đúng chức năng. Thông tư không phân công chi tiết nhiệm vụ từng đơn vị, thay vào đó nội dung trên cùng với danh mục dữ liệu, tần suất sẽ được cụ thể hoá vào Sổ tay nghiệp vụ để tránh Thông tư lỗi thời khi cơ cấu tổ chức hoặc biểu mẫu thay đổi.

	lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và tài chính. 6. Chia sẻ cho đơn vị đầu mối quyền truy cập, khai thác dữ liệu trên các hệ thống dữ liệu thuộc phạm vi quản lý nghiệp vụ của đơn vị phối hợp theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 7. Phối hợp với đơn vị đầu mối trong việc tham gia các đoàn khảo sát, làm việc trực tiếp đối với các tổ chức báo cáo khi có yêu cầu.	
19	Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức báo cáo 1. Cung cấp đầy đủ cho đơn vị đầu mối các tài liệu, thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật. 2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ, trung thực của tài liệu, thông tin, dữ liệu đã cung cấp. 3. Thực hiện phản hồi đầy đủ các nội dung, yêu cầu của đơn vị đầu mối khi có yêu cầu theo quy định tại Chương III Thông tư này. 4. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị đầu mối trong quá trình triển khai các cuộc khảo sát, làm việc trực tiếp về rủi ro có tính hệ thống trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính.	Điều 18 quy định trách nhiệm của tổ chức báo cáo (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bao gồm các công ty con/liên kết hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, quản lý quỹ, bất động sản) trong việc: cung cấp dữ liệu chính xác, kịp thời; chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu; phối hợp khảo sát; thực hiện yêu cầu làm rõ; và tuân thủ quy định về lưu trữ, bảo mật tài liệu. Theo đó, Tổ chức báo cáo là nguồn thông tin chính cho công tác nhận diện rủi ro; trách nhiệm pháp lý rõ ràng giúp nâng cao chất lượng dữ liệu và tính hiệu quả của công tác giám sát. Quy định này là cơ sở pháp lý đề NHNN yêu cầu và xử lý các trường hợp không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai lệch, chế tài cụ thể (hành chính, quản lý, xử lý theo quy định chuyên ngành) sẽ được áp dụng theo quy định hiện hành của NHNN và pháp luật liên quan. Thông tư chỉ quy định nguyên tắc khung; cụ thể tần suất/biểu mẫu sẽ được đưa vào Sổ tay nghiệp vụ để tránh gánh nặng hành chính đối với tổ chức báo cáo.
20	Chương VI. Điều khoản thi hành Điều 19. Hiệu lực thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.	Điều 19 quy định ngày có hiệu lực của Thông tư, cơ chế chuyển tiếp từ các văn bản nội bộ (ví dụ Quyết định, Quy chế trước đây) sang Thông tư mới, và nguyên tắc xử lý các văn bản, quy định, quy trình tương ứng nếu có xung đột.
21	Điều 20. Tổ chức thực hiện Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính; Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và cơ quan, tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.	Điều 20 quy định trách nhiệm tổ chức triển khai Thông tư, nêu rõ các cá nhân, đơn vị chịu trách nhiệm (Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê – Ổn định tiền tệ, tài chính; Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN; Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; Lãnh đạo các tổ chức báo cáo).

